

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày 20/6/2019

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà: Nguyễn Thị Mười.
 2. Bà: Hồ Thị Ngọc Diễm.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà La Thị Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 20/6/2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2019 giữa:

+ Nguyên đơn: **Trần Thị Thùy D**, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: **Nguyễn Minh Q**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị D có mặt, anh Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/ 02/ 2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trần Thị Thùy D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh Q tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q không lo làm ăn và không có trách nhiệm với gia đình. Anh Q thường xuyên nhậu nhẹt về chửi bới, xúc phạm chị và không tôn trọng cha mẹ chị. Chị nhiều lần động viên khuyên giải nhưng anh Q không chịu sửa đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng hơn nên chị và anh Q đã ly thân đến nay hơn 04 tháng. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên xin ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 27/4/2014 hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh Q vắng mặt tại tòa nhưng có lời trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải cùng ngày 23/4/2019 như sau:

Anh đồng ý với lời trình bày của chị D về thời gian kết hôn, trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh phải lo cho đứa em ruột bị tai nạn giao thông. Chị D không thông cảm và do anh nóng tính nên có dùng lời lẽ không hay gây tổn thương đối với chị D. Anh thừa nhận anh có lỗi là để mặc chị D chăm sóc con là không làm tròn trách nhiệm của người chồng người cha nhưng anh đang cố gắng tìm việc làm để có thu nhập lo cho vợ con. Hiện anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị D, anh đồng ý để chị D nuôi con, chị D không yêu cầu cấp dưỡng anh sẽ lo cho con anh theo khả năng của mình.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thùy D đối với anh Nguyễn Minh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tiến hành việc cấp tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai cho bị đơn là anh Nguyễn Minh Q để đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Q vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét thấy, chị Trần Thị Thùy D và anh Nguyễn Minh Q tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Thủy, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống do không cùng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn không thể hòa hợp được nên anh chị đã ly thân. Nay, chị D cho rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên xin ly hôn, anh Q không đồng ý. Xét thấy, hôn nhân gia đình xuất phát từ tình yêu thương và sự tự nguyện giữa các bên không ai có quyền ngăn cản hay ép buộc. Trong thời gian sống chung do chị D, anh Q không hòa hợp nên phát sinh mâu thuẫn. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị cũng có thời gian sống ly thân để tạo cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh Q cũng thừa nhận anh có lỗi không làm tròn trách nhiệm của người chồng người cha nhưng anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Tòa án đã thông báo cho anh Q việc giao nộp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình trong thời gian luật định nhưng anh Q không thực hiện nên phải chịu hậu

qua về việc không giao nộp tài liệu chứng cứ theo quy định tại Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xác minh thu thập chứng cứ ở địa phương nơi anh Q, chị D sinh sống cho thấy: Trong thời gian anh Q, chị D chung sống có xảy ra mâu thuẫn không hàn gắn được nên anh chị không còn sống chung nhà nữa. Hiện anh Q vắng mặt tại Tòa coi như đã từ bỏ thiện chí xin đoàn tụ với chị D. Phía chị D vẫn kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị D, anh Q đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh Q.

[3] Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 27/4/2014 nên cần đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi. Anh Q không đồng ý ly hôn nhưng cho rằng: Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị D anh đồng ý để chị D nuôi dưỡng và anh sẽ lo cho con theo khả năng của mình. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Hiện tại cháu D đang sống với chị D, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được chị D thực hiện tốt không thấy vi phạm gì. Để đảm bảo cho đời sống của con chung sau này nên ghi nhận ý kiến của anh Q và chấp nhận yêu cầu của chị D. Xử, cho chị D được tiếp tục trông nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung đến khi tròn 18 tuổi là phù hợp. Chị D không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con (mặc dù Tòa đã giải thích). Xét đây là sự tự nguyện của chị D nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q, chị D khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thùy D đối với anh Nguyễn Minh Q.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thùy D và anh Nguyễn Minh Q được ly hôn.

2. Về con chung: Chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 27/4/2014 cho đến khi 18 tuổi. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q, chị D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thùy D phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003070 ngày 03/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị D đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi cư trú của bị đơn để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T. Bến Tre;
- VKS H. Châu Thành;
- THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Thúy Hằng

